

Bản án số: 45/2022/HNGĐ-ST

Ngày 05/9/2022

*“V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng do nam  
nữ chung sống mà không có đăng ký kết hôn, tranh  
chấp về nuôi con”.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ, TỈNH TUYÊN QUANG  
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lâm Hạnh Quỳnh

*Các hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Bích Hằng và Ông Ma Văn Sơn

*Thư ký Tòa án:* Ông Dương Văn Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá tham gia phiên tòa:*  
Ông Đặng Trung Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 155/2022/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2022 về việc: Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng do nam nữ chung sống mà không có đăng ký kết hôn, tranh chấp về nuôi con, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2022/QĐST – HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ma Thị L, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn BC, xã KB, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang, (*vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt*).

- *Bị đơn:* Anh Hà Đức D, sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn BC, xã KB, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang, (*vắng mặt, đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng lần 02*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/6/2022, nội dung bản tự khai, biên bản ghi lời khai nguyên đơn chị Ma Thị L trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị Ma Thị L và anh Hà Đức D qua tự nguyện tìm hiểu đã về chung sống với nhau từ năm 2004 nhưng kể từ đó cho đến nay chị L và anh D chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh D và chị L được gia đình tổ chức cưới hỏi theo đúng phong tục tập quán, chung sống tại thôn

BC, xã KB, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc cho đến năm 2017 thì anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị L và anh D không cùng quan điểm sống, chị L cho rằng anh D không chịu tu chí làm ăn, thường xuyên chơi bời, lười lao động nên giữa anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay. Chị L xác định tình cảm giữa chị và anh D thực sự đã hết, do anh chị không đăng ký kết hôn nên yêu cầu Tòa án giải quyết chấm dứt quan hệ giữa chị và anh Hà Đức D theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị L và anh D có 01 con chung là Hà Thị Kiều Đ, sinh ngày 04/12/2005, hiện con đang sống cùng chị L. Chị L có nguyện vọng là người được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án, mở phiên họp việc kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ, phiên họp hòa giải lần 01 và lần 02 cho đến tại phiên tòa, bị đơn anh Hà Đức D đều vắng mặt không có lý do và không có quan điểm, ý kiến gửi đến Tòa án (mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng). Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ma Thị L vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, chị L giữ nguyên ý kiến, quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết tại Tòa án và không thay đổi, bổ sung gì.

Tòa án đã tiến hành xác minh đối với bà Phan Thị Đ (mẹ đẻ của anh D), bà Đặng Thị K - Trưởng Thôn BC, xã KB và Công an xã KB, xác định anh Hà Đức D có hộ khẩu thường trú tại Thôn BC, xã KB, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, tuy nhiên thực tế hiện nay anh D đã đi làm ăn xa, không có mặt tại gia đình và địa phương, bà Diệp chỉ biết anh D làm việc tại thành phố Hà Nội, không biết cụ thể địa chỉ tạm trú cũng như khi nào anh D mới trở về gia đình, địa phương. Bà Đ nhất trí nhận văn bản tố tụng thay cho anh D và thông báo cho anh D được biết về nội dung chị L đang xin ly hôn anh D tại Tòa án (thông tin qua điện thoại), tuy nhiên bà Đ không ký các biên bản xác minh do Tòa án lập với lý do không muốn mất tình cảm gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 51, khoản 2 Điều 53, Điều 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 143, 144, 147; các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Ma Thị L, không công nhận quan hệ giữa chị Ma Thị L và anh Hà Đức D là vợ chồng; về con chung: Giao cháu Hà Thị Kiều Đ, sinh ngày 04/12/2005 cho chị Ma Thị L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Hà Đức D không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền, nghĩa vụ được đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở. Về tài sản chung: Chị L và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập xem xét; Về nợ chung: Không có. Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định; anh D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật. Về khắc phục kiến nghị vi phạm trong tố tụng: Không.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Ma Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là anh Hà Đức D, chị L và anh D chung sống với nhau từ năm 2004 không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc không công nhận quan hệ vợ chồng; tranh chấp về nuôi con chung của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 7 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Hà Đức D, có khẩu thường trú tại: Thôn BC, xã KB, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Theo cung cấp của Công an xã KB, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang thì anh Hà Đức D có hộ khẩu thường trú tại thôn BC, xã KB, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Anh D đi làm ăn xa nhưng không thông báo địa chỉ mới nên hiện tại không rõ anh D đang ở đâu, làm gì. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với anh D đến Tòa án để làm việc nhưng anh D vắng mặt không có lý do, anh D đã được thông báo nhưng vẫn không về, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ma Thị L vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Hà Đức D vắng mặt lần thứ 2 không có lý do (đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng), Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Ma Thị L và anh Hà Đức D tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004 đến nay không có đăng ký kết hôn. Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa đã xác minh tại Ủy ban nhân dân xã KB, huyện

Chiêm Hóa (nơi chị L và anh D sinh sống) xác định chị L và anh D chưa từng làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định. Như vậy, chị Ma Thị L và anh Hà Đức D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004 đến nay không có đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình về đăng ký kết hôn. Mỗi quan hệ của chị L và anh D không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Chị Ma Thị L yêu cầu được chấm dứt mối quan hệ giữa chị và anh Hà Đức D, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 51, khoản 2 Điều 53, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Ma Thị L, không công nhận quan hệ giữa chị Ma Thị L và anh Hà Đức D là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Quá trình sống chung, chị L và anh D có 01 con chung là Hà Thị Kiều Đ, sinh ngày 04/12/2005, chị L yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Quá trình Toà án ghi lời khai, cháu Đ có nguyện vọng ở cùng mẹ khi bố mẹ ly hôn. Vì vậy, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử giao cháu Hà Thị Kiều Đ cho chị Ma Thị L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Chị L và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết; do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Chị Ma Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định; anh D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 51, khoản 2 Điều 53, Điều 57, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

### **Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Ma Thị L; không công nhận quan hệ giữa chị Ma Thị L và anh Hà Đức D là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Hà Thị Kiều Đ, sinh ngày 04/12/2005 cho chị Ma Thị L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Hà Đức D không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền, nghĩa vụ được đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Ma Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000<sup>d</sup> (*ba trăm nghìn đồng*). Chị L đã nộp 300.000<sup>d</sup> (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa theo biên lai số 0005340 ngày 16/6/2022 nay được chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm ly hôn (chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn). Anh Hà Đức D không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND Tỉnh, huyện
- Chi cục THA Dân sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã KB;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**Lâm Hạnh Quỳnh**